

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2020

V/v: “Ly hôn và tranh chấp nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Minh Tấn**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Tấn Lộc**

Ông **Nguyễn Minh Trọn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Châu Sơn Ca** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 về việc “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 356/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 8 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Triệu Kim N**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Triệu Kim N trình bày: Chị Triệu Kim N và anh Nguyễn Thanh H chung sống với nhau như vợ, như chồng vào năm 1999, đến năm 2014 đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống thường phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không thể chung sống được. Nay chị N xét thấy cuộc sống không hạnh phúc, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

Về con chung: Chị Triệu Kim N và anh Nguyễn Thanh H có 02 người con chung tên Nguyễn Triệu Thái K, sinh ngày 02/9/2001 hiện đã trưởng thành nhưng chưa tự nuôi sống bản thân, còn đi học và Nguyễn Triệu Hoàng K1 sinh ngày

14/06/2005. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con để chị và anh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Triệu Kim N đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt chị

- Bị đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày: Về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ, chồng và con chung chị N trình bày là đúng. Nay anh H đồng ý ly hôn với chị N. Về con chung khi ly hôn anh đồng ý cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Thanh H đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Triệu Kim N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H và yêu cầu được nuôi con chung, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Chị Triệu Kim N và anh Nguyễn Thanh H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Triệu Kim N và anh Nguyễn Thanh H theo quy định tại Điều 207 và Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Đồng thời, vụ án không thuộc trường hợp quy định Khoản 2 điều 21 của Bộ Luật tố tụng dân sự nên Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu Kim N và anh Nguyễn Thanh H thấy rằng: Chị Triệu Kim N và anh Nguyễn Thanh H chung sống với sống với nhau như vợ, như chồng vào năm 1999, đến năm 2014 đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống thường phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không thể chung sống được. Điều này được thể hiện qua lời trình bày của chị N và anh H hoàn toàn phù hợp nhau về mâu thuẫn vợ, chồng cũng như xác nhận tình trạng hôn nhân của chính quyền địa phương. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị Triệu Kim N và anh Nguyễn Thanh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và nguyện vọng của anh, chị thật sự muốn ly hôn với nhau, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Triệu Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

[3] Về con chung: Chị Triệu Kim N và anh Nguyễn Thanh H có 02 người con chung tên Nguyễn Triệu Thái K, sinh ngày 02/9/2001 hiện đã trưởng thành nhưng còn đi học, sống phụ thuộc gia đình, không có tài sản tự nuôi mình và Nguyễn Triệu Hoàng K1 sinh ngày 14/06/2005. Khi ly hôn, chị N và anh H thỏa thuận cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con chung. Xét thấy, việc thỏa trên

không trái pháp luật và đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên cần ghi nhận. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4]Về tài sản chung và nợ chung: Chị Triệu Kim N và anh Nguyễn Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]Về án phí: Chị Triệu Kim N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 21; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 207 và Điều 288 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều: 51, 56, 58, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Triệu Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

2-Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Triệu Kim N và anh Nguyễn Thanh H về việc: Chị Triệu Kim N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Triệu Thái K sinh ngày 02/09/2001 và Nguyễn Triệu Hoàng K1, sinh ngày 14/6/2005, anh Nguyễn Thanh H có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

3- Về án phí: Chị Triệu Kim N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị N đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011975 ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân được chuyển thu.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Lộc

Nguyễn Minh Trọn

Hồ Minh Tấn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi Cục THADS huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Minh Tấn